

CHỦ TỊCH NƯỚC

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

LỆNH của Chủ tịch nước số 42-L/CTN ngày 27-9-1995 công bố Pháp lệnh Công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

CHỦ TỊCH NƯỚC

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Căn cứ vào Điều 103 và Điều 106 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Điều 78 của Luật Tổ chức Quốc hội,

NAY CÔNG BỐ:

Pháp lệnh Công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được Ủy ban Thường vụ Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa IX thông qua ngày 14 tháng 9 năm 1995.

Chủ tịch

nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam

LÊ ĐỨC ANH

PHÁP LỆNH Công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Để góp phần mở rộng và phát triển quan hệ kinh tế với nước ngoài, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo hộ quyền, lợi ích chính đáng của các tổ chức, cá nhân Việt Nam và nước ngoài;

Căn cứ vào Điều 91 của Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 1992;

Căn cứ vào Nghị quyết của Quốc hội khóa IX, kỳ họp thứ 6 về công tác xây dựng pháp luật năm 1995;

Pháp lệnh này quy định việc công nhận và thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Điều 1.- Quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Trong Pháp lệnh này, "Quyết định của Trọng tài nước ngoài" được hiểu là quyết định được tuyên ở ngoài lãnh thổ Việt Nam của Trọng tài do các bên thỏa thuận lựa chọn để giải quyết tranh chấp phát sinh từ các quan hệ pháp luật thương mại.

"Quyết định của Trọng tài nước ngoài" còn bao gồm quyết định của Trọng tài được tuyên tại lãnh thổ Việt Nam, nhưng không do Trọng tài Việt Nam tuyên.

Điều 2.- Nguyên tắc công nhận và thi hành.

1. Tòa án Việt Nam xem xét việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài trong trường hợp quyết định được tuyên tại nước hoặc của Trọng tài của nước mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và nước đó đã ký kết hoặc tham gia điều ước quốc tế về vấn đề này.

Quyết định của Trọng tài nước ngoài cũng có thể được Tòa án Việt Nam xem xét công nhận và cho thi hành tại Việt Nam trên cơ sở có đi có lại mà không đòi hỏi phải có điều kiện ký kết, tham gia điều ước quốc tế.

2. Quyết định của Trọng tài nước ngoài được thi hành tại Việt Nam sau khi được Tòa án Việt Nam công nhận và cho thi hành; việc thi hành phải tuân theo Pháp lệnh này và quy định của pháp luật Việt Nam về thi hành án dân sự.

Điều 3.- Quyền yêu cầu công nhận và cho thi hành.

Tổ chức, cá nhân được thi hành, người đại diện hợp pháp của họ có quyền gửi đơn yêu cầu Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài, nếu tổ chức phải thi hành có trụ sở chính tại Việt Nam, cá nhân phải thi hành cư trú, làm việc tại Việt Nam hoặc nếu tài sản liên quan đến việc thi hành có tại Việt Nam vào thời điểm gửi đơn yêu cầu.

Điều 4.- Tòa án có thẩm quyền xét đơn yêu cầu.

Tòa án có thẩm quyền xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài là Tòa án Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, nơi tổ chức phải thi hành có trụ sở chính, nơi cá nhân

phải thi hành cư trú, làm việc hoặc nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành.

Điều 5.- Bảo đảm quyền kháng cáo, kháng nghị.

1. Quyết định của Tòa án công nhận hoặc không công nhận quyết định của Trọng tài nước ngoài có thể bị đương sự kháng cáo hoặc Viện Kiểm sát kháng nghị.

2. Quá thời hạn quy định tại Điều 18 của Pháp lệnh này mà không có kháng cáo, kháng nghị, thì quyết định của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

3. Tòa án Nhân dân tối cao xét đơn kháng cáo, quyết định kháng nghị đối với quyết định của Tòa án Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Điều 6.- Bảo đảm hiệu lực pháp luật của quyết định của Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

1. Quyết định của Trọng tài nước ngoài được Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam có hiệu lực pháp luật như quyết định của Tòa án Việt Nam đã có hiệu lực pháp luật.

2. Quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài phải được các đương sự nghiêm chỉnh thi hành, các cơ quan Nhà nước, tổ chức kinh tế, tổ chức xã hội, đơn vị vũ trang nhân dân và mọi công dân tôn trọng.

Trong trường hợp tổ chức, cá nhân phải thi hành không tự nguyện chấp hành quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án, thì bị áp dụng biện pháp cưỡng chế theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 7.- Thông báo quyết định của Tòa án.

Ngay sau khi ra quyết định nói tại Khoản 1 Điều 14, Khoản 5 Điều 15 và Khoản 3 Điều 19 của Pháp lệnh này, thông qua Bộ Tư pháp, Tòa án thông báo quyết định đó cho tổ chức, cá nhân đã gửi đơn yêu cầu.

Điều 8.- Bảo đảm việc chuyển tiền, tài sản thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam bảo đảm việc chuyển tiền, tài sản có được từ việc thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài từ Việt Nam ra nước ngoài; việc chuyển tiền, tài sản được thực hiện theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 9.- Lệ phí.

Tổ chức, cá nhân gửi đơn yêu cầu theo quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này phải nộp lệ phí.

Chính phủ quy định mức lệ phí, thủ tục nộp lệ phí, việc quản lý và sử dụng lệ phí.

Chương II

XÉT ĐƠN YÊU CẦU CÔNG NHẬN VÀ CHO THI HÀNH TẠI VIỆT NAM QUYẾT ĐỊNH CỦA TRỌNG TÀI NƯỚC NGOÀI

Điều 10.- Đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

1. Đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài được gửi đến Bộ Tư pháp Việt Nam.

2. Đơn yêu cầu nói tại Khoản 1 Điều này phải có nội dung sau đây:

a) Tên gọi đầy đủ và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức được thi hành hoặc họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc của cá nhân được thi hành và của người đại diện hợp pháp tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân đó, nếu có;

b) Tên gọi đầy đủ và địa chỉ trụ sở chính của tổ chức phải thi hành hoặc họ tên, địa chỉ nơi cư trú, nơi làm việc của cá nhân phải thi hành.

Trong trường hợp tổ chức phải thi hành không có trụ sở chính tại Việt Nam, cá nhân phải thi hành không cư trú, làm việc tại Việt Nam, thì còn phải ghi rõ địa điểm nơi có tài sản tại Việt Nam liên quan đến việc thi hành;

c) Yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thi hành.

3. Đơn yêu cầu bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 11.- Giấy tờ kèm theo đơn yêu cầu.

1. Kèm theo đơn yêu cầu quy định tại Điều 10 của Pháp lệnh này phải có các giấy tờ được quy định tại điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia nói tại Khoản 1 Điều 2 của Pháp lệnh này.

Trong trường hợp điều ước quốc tế không quy định về giấy tờ kèm theo đơn yêu cầu hoặc không có điều ước quốc tế liên quan, thì kèm theo đơn yêu cầu phải có các giấy tờ sau đây:

a) Bản gốc hoặc bản sao quyết định của Trọng tài nước ngoài đã được chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam;

b) Bản gốc hoặc bản sao Thỏa thuận trọng tài đã được chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Thỏa thuận trọng tài nói tại điểm b Khoản 1 Điều này là văn bản thỏa thuận của các bên về việc giải quyết tranh chấp có thể hoặc đã phát sinh giữa họ với nhau theo thể thức trọng tài mà pháp luật của nước hữu quan quy định có thể giải quyết được theo thể thức đó.

Thỏa thuận trọng tài có thể là điều khoản về Trọng tài đã được ghi trong hợp đồng hoặc thỏa thuận riêng về Trọng tài được các bên ký kết sau khi phát sinh tranh chấp. Việc ký kết văn bản này có thể được thực hiện thông qua việc trao đổi thư tín.

2. Giấy tờ kèm theo bằng tiếng nước ngoài phải được dịch ra tiếng Việt và bản dịch phải được chứng thực phù hợp với quy định của pháp luật Việt Nam.

Điều 12.- Chuyển hồ sơ cho Tòa án.

1. Trong thời hạn 7 ngày, kể từ ngày nhận được đơn yêu cầu và giấy tờ hợp lệ kèm theo, Bộ Tư pháp chuyển hồ sơ cho Tòa án có thẩm quyền quy định tại Điều 4 của Pháp lệnh này.

2. Trong trường hợp Bộ Tư pháp đã chuyển hồ sơ cho Tòa án mà sau đó lại nhận được thông báo của cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài nói tại điểm c Khoản 1 Điều 16 của Pháp lệnh này về việc đang xem xét hoặc đã hủy bỏ, đình chỉ thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài, thì Bộ Tư pháp thông báo ngay bằng văn bản cho Tòa án để ra quyết định phù hợp với quy định tại các điểm a và c Khoản 1 Điều 14, Khoản 3 Điều 19 và Khoản 4 Điều 20 của Pháp lệnh này.

Điều 13.- Thụ lý hồ sơ.

1. Khi nhận được hồ sơ do Bộ Tư pháp chuyển đến, Tòa án có trách nhiệm thụ lý và thông báo cho tổ chức, cá nhân phải thi hành và Viện Kiểm sát cùng cấp biết.

2. Tòa án có quyền yêu cầu tổ chức, cá nhân đã gửi đơn yêu cầu giải thích những điều chưa rõ trong hồ sơ.

Điều 14.- Chuẩn bị xét đơn yêu cầu.

1. Trong thời hạn hai tháng, kể từ ngày thụ lý, tùy từng trường hợp, Tòa án ra một trong những quyết định sau đây:

a) Tạm đình chỉ việc xét đơn yêu cầu trong trường hợp nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Tư pháp về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đang xem xét việc hủy bỏ hoặc

đình chỉ thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài;

b) Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu, nếu tổ chức, cá nhân được thi hành rút đơn yêu cầu hoặc tổ chức, cá nhân phải thi hành đã tự nguyện thi hành; tổ chức phải thi hành đã bị giải thể, phá sản mà quyền, nghĩa vụ của tổ chức đó đã được giải quyết theo quy định của pháp luật Việt Nam hoặc cá nhân phải thi hành đã chết mà quyền, nghĩa vụ của người đó không được thừa kế;

c) Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu trong trường hợp nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Tư pháp về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã hủy bỏ hoặc đình chỉ thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài;

d) Đình chỉ việc xét đơn yêu cầu và trả lại hồ sơ cho Bộ Tư pháp trong trường hợp không đúng thẩm quyền, tổ chức phải thi hành không có trụ sở chính tại Việt Nam, cá nhân phải thi hành không cư trú, làm việc tại Việt Nam hoặc không xác định được địa điểm nơi có tài sản liên quan đến việc thi hành;

đ) Mở phiên tòa xét đơn yêu cầu.

Trong trường hợp có yêu cầu giải thích quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Pháp lệnh này, thì thời hạn được kéo dài thêm hai tháng nữa.

2. Tòa án phải mở phiên tòa xét đơn trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày ra quyết định nói tại điểm đ Khoản 1 Điều này. Ngay sau khi ra quyết định mở phiên tòa, Tòa án phải chuyển hồ sơ cho Viện Kiểm sát cùng cấp trong thời hạn bảy ngày.

Điều 15.- Phiên tòa xét đơn yêu cầu.

1. Việc xét đơn yêu cầu được tiến hành tại phiên tòa do một Hội đồng gồm ba Thẩm phán, trong đó một Thẩm phán làm chủ tọa.

2. Kiểm sát viên Viện Kiểm sát cùng cấp phải tham gia phiên tòa. Trong trường hợp Kiểm sát viên vắng mặt, thì phải hoãn phiên tòa.

3. Phiên tòa được tiến hành với sự có mặt của người đại diện hợp pháp của tổ chức phải thi hành, của cá nhân phải thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của người đó. Những người này được triệu tập đến phiên tòa theo quy định của pháp luật Việt Nam.

Việc xét đơn yêu cầu vẫn được tiến hành, nếu người đại diện hợp pháp của tổ chức phải thi hành, cá nhân phải thi hành hoặc người đại diện hợp pháp của người đó yêu cầu Tòa án xét đơn vắng mặt họ hoặc sau hai lần triệu tập hợp lệ mà vẫn vắng mặt không có lý do chính đáng.

4. Khi xét đơn yêu cầu, Hội đồng không xét xử lại vụ tranh chấp đã được Trọng tài nước ngoài giải quyết mà chỉ kiểm tra, đối chiếu quyết định

của Trọng tài nước ngoài và giấy tờ kèm theo với quy định của Pháp lệnh này, các quy định khác của pháp luật Việt Nam và điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia, để ra quyết định.

5. Sau khi xem xét đơn, giấy tờ kèm theo, chứng cứ, nếu có, nghe ý kiến của những người được triệu tập, của Kiểm sát viên, Hội đồng thảo luận và quyết định theo đa số.

Hội đồng có quyền ra quyết định công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài hoặc quyết định không công nhận quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Điều 16.- Các trường hợp không công nhận quyết định của Trọng tài nước ngoài.

1. Quyết định của Trọng tài nước ngoài không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam, nếu tổ chức, cá nhân phải thi hành có chứng cứ hợp pháp để Tòa án khẳng định rằng:

a) Các bên ký kết Thỏa thuận trọng tài nói tại Khoản 1 Điều 11 của Pháp lệnh này, theo pháp luật được áp dụng cho mỗi bên, không có năng lực để ký kết Thỏa thuận đó; Thỏa thuận trọng tài không có giá trị pháp lý theo pháp luật của nước mà các bên đã chọn để áp dụng hoặc theo pháp luật của nước nơi quyết định đã được tuyên, nếu các bên không chọn pháp luật áp dụng cho Thỏa thuận đó;

b) Tổ chức, cá nhân phải thi hành không được thông báo kịp thời và hợp thức về việc chỉ định Trọng tài viên, về thủ tục giải quyết vụ tranh chấp tại Trọng tài hoặc vì nguyên nhân chính đáng khác mà không thể thực hiện được quyền tố tụng của mình;

c) Quyết định của Trọng tài nước ngoài được tuyên về một vụ tranh chấp không được các bên yêu cầu giải quyết hoặc vượt quá yêu cầu của các bên ký kết Thỏa thuận trọng tài. Trong trường hợp có thể tách được phần quyết định về vấn đề đã được yêu cầu và phần quyết định về vấn đề không được yêu cầu giải quyết tại Trọng tài, thì phần quyết định về vấn đề được yêu cầu giải quyết có thể được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam;

d) Thành phần của Trọng tài, thủ tục giải quyết tranh chấp của Trọng tài không phù hợp với Thỏa thuận trọng tài hoặc với pháp luật của nước nơi quyết định của Trọng tài được tuyên, nếu Thỏa thuận trọng tài không quy định về các vấn đề đó;

d) Quyết định của Trọng tài chưa có hiệu lực bắt buộc đối với các bên;

e) Quyết định của Trọng tài đã bị cơ quan có thẩm quyền của nước nơi quyết định đã được tuyên hoặc của nước có pháp luật đã được áp dụng, hủy bỏ hoặc đình chỉ thi hành.

2. Quyết định của Trọng tài nước ngoài cũng không được công nhận và cho thi hành tại Việt Nam, nếu Tòa án xét thấy:

a) Theo pháp luật Việt Nam, vụ tranh chấp không được giải quyết theo thể thức trọng tài;

b) Việc công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài trái với các nguyên tắc cơ bản của pháp luật Việt Nam.

Điều 17.- Gửi bản sao quyết định của Tòa án cho Viện Kiểm sát.

Ngay sau khi ra quyết định nói tại Khoản 1 Điều 14 và Khoản 5 Điều 15 của Pháp lệnh này, Tòa án gửi Viện Kiểm sát cùng cấp bản sao quyết định đó.

Điều 18.- Kháng cáo, kháng nghị.

1. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định nói tại các điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 14 và Khoản 5 Điều 15 của Pháp lệnh này, đương sự, người đại diện hợp pháp của họ có quyền kháng cáo quyết định đó.

Đơn kháng cáo phải nêu rõ lý do và yêu cầu kháng cáo.

Trong trường hợp đương sự không có mặt tại phiên tòa xét đơn yêu cầu, thì thời hạn kháng cáo được tính từ ngày bản sao quyết định được giao cho họ; nếu kháng cáo quá hạn mà có lý do chính đáng, thì thời hạn được tính từ ngày trở ngại cho việc kháng cáo không còn nữa.

2. Viện Kiểm sát cùng cấp hoặc Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao có quyền kháng nghị quyết định của Tòa án nói tại các điểm a, b, c và d Khoản 1 Điều 14 và Khoản 5 Điều 15 của Pháp lệnh này.

Thời hạn kháng nghị của Viện Kiểm sát cùng cấp là mười lăm ngày, của Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao là ba mươi ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Điều 19.- Xét kháng cáo, kháng nghị.

1. Tòa án Nhân dân tối cao xét quyết định của Tòa án Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương, khi có kháng cáo, kháng nghị, trong thời hạn một tháng, kể từ ngày nhận được kháng cáo, kháng nghị; nếu cần phải yêu cầu giải thích theo quy định tại Khoản 2 Điều 13 của Pháp lệnh này, thì thời hạn được kéo dài thêm hai tháng nữa.

2. Thành phần Hội đồng xét kháng cáo, kháng nghị gồm ba Thẩm phán, trong đó có một Thẩm phán làm chủ tọa.

Thủ tục xét lại quyết định được tiến hành như thủ tục xét đơn yêu cầu quy định tại Điều 15 của Pháp lệnh này.

3. Hội đồng có quyền giữ nguyên, sửa một phần hoặc toàn bộ quyết định của Tòa án Nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; tạm đình chỉ, đình chỉ việc xét kháng cáo, kháng nghị trong trường hợp đương sự rút kháng cáo, Viện Kiểm sát rút kháng nghị hoặc có căn cứ quy định tại các điểm a, b và c Khoản 1 Điều 14 của Pháp lệnh này.

Quyết định của Tòa án Nhân dân tối cao là quyết định cuối cùng và có hiệu lực thi hành.

Điều 20.- Thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài.

1. Trong thời hạn mười lăm ngày, kể từ ngày quyết định công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài có hiệu lực pháp luật, Tòa án gửi bản sao quyết định đó và bản sao quyết định của Trọng tài nước ngoài cho cơ quan thi hành án theo quy định của pháp luật Việt Nam về thi hành án dân sự.

2. Việc thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài phải tuân theo các quy định của pháp luật Việt Nam về thi hành án dân sự.

3. Trong trường hợp nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Tư pháp về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đang xem xét việc hủy bỏ hoặc đình chỉ thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài đã có quyết định thi hành tại Việt Nam, thì Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định tạm đình chỉ thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài và gửi bản sao quyết định đó cho Tòa án đã ra quyết định công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự có thể áp dụng biện pháp bảo đảm cần thiết cho việc tiếp tục thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài, nếu có yêu cầu của tổ chức, cá nhân được thi hành.

4. Ngay sau khi nhận được thông báo bằng văn bản của Bộ Tư pháp về việc cơ quan có thẩm quyền của nước ngoài đã hủy bỏ hoặc đình chỉ thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài, Tòa án đã ra quyết định công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài nước ngoài ra quyết định hủy bỏ quyết định đó và gửi bản sao quyết định này cho cơ quan thi hành án.

Ngay sau khi nhận được quyết định của Tòa án, thủ trưởng cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định đình chỉ việc thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Chương III

ĐIỀU KHOẢN CUỐI CÙNG

Điều 21.- Áp dụng điều ước quốc tế.

Trong trường hợp điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam ký kết hoặc tham gia có quy định khác với quy định của Pháp lệnh này, thì áp dụng quy định của điều ước quốc tế.

Điều 22.- Tòa án không xem xét việc công nhận và cho thi hành quyết định của Trọng tài nước ngoài.

Trong trường hợp quyết định của Trọng tài Việt Nam hoặc đơn yêu cầu của các tổ chức, cá nhân Việt Nam về việc công nhận và cho thi hành tại nước ngoài quyết định của Trọng tài không được cơ quan có thẩm quyền của nước đó xem xét vì lý do phân biệt đối xử, thì Tòa án Việt Nam được quyền áp dụng các biện pháp hạn chế tương ứng đối với việc xem xét đơn yêu cầu công nhận và cho thi hành tại Việt Nam quyết định của Trọng tài của nước đó hoặc đơn yêu cầu về vấn đề này của tổ chức, cá nhân của nước đó.

Điều 23.- Hiệu lực của Pháp lệnh.

Pháp lệnh này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 1 tháng 1 năm 1996.

Điều 24.- Điều khoản thi hành.

Chính phủ, Tòa án Nhân dân tối cao và Viện Kiểm sát Nhân dân tối cao, trong phạm vi chức năng của mình, quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh này.

T.M. Ủy ban Thường vụ Quốc hội

Chủ tịch

NÔNG ĐỨC MẠNH

CHÍNH PHỦ

**NGHỊ ĐỊNH của Chính phủ số 54-CP
ngày 7-8-1995 ban hành Điều lệ
Phục vụ của hạ sĩ quan, binh sĩ
Quân đội nhân dân Việt Nam.**

CHÍNH PHỦ

Căn cứ Luật Tổ chức Chính phủ ngày 30 tháng 9 năm 1992;